

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2018

ANNUAL REPORT FOR FISCAL YEAR 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG | *VNG CORPORATION*

TP. HỒ CHÍ MINH, THÁNG 4 NĂM 2019

HO CHI MINH CITY, APRIL 2019





embracing challenges



Thông tin chung

General information



1

Thông tin khái quát

General information

Tên giao dịch / *Trading name*: VNG Corporation

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số / *Certificate of business registration No.*: 0303490096

Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 345.362.570.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu/ *Owner's equity*: 3.832.259.467.341 VNĐ

Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: 52 Nguyen Ngoc Loc Street, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh City, Vietnam

Số điện thoại / *Telephone*: 028.38664666

Số fax / *Fax*: 028. 39624666

Website: www.vng.com.vn

Mã cổ phiếu (nếu có): Không có

Securities code (if any): Not applicable



2 **Quá trình hình thành và phát triển**

Incorporation and development

Công Ty Cổ Phần VNG (“**Công Ty**”/ “**VNG**”) là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303490096 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 9/9/2004 và thay đổi lần thứ 36 ngày 24/9/2018.

*VNG Corporation (“**Company/VNG**”) is duly established and existing under the laws of Vietnam with business registration number 0303490096 and firstly issued by Ho Chi Minh City’s Department of Planning and Investment dated 9/9/2004 and the 36th change on 24/09/2018.*

Kể từ ngày thành lập cho đến nay, Công Ty đã có những bước phát triển vượt bậc, từ một Công Ty chuyên về trò chơi trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam, cho đến hiện nay, là một trong những công ty công nghệ, giải trí, dịch vụ internet, sản xuất phần mềm hàng đầu tại Việt Nam. Công Ty đã và đang cung cấp cho cộng đồng các sản phẩm giải trí chất lượng cao như: cổng thông tin và giải trí Zing, mạng xã hội Zing Me, trang web nghe nhạc trực tuyến Zing Mp3, trang web giải trí trực tuyến Zingtv. Trong những năm gần đây, VNG đã mở rộng và phát triển nhiều sản phẩm chất lượng cao ứng dụng trên điện thoại di động như: Zalo, Zingtv, Zing Mp3, Zing News Mobile, La Ban Browser để phục vụ nhu cầu giải trí, học tập qua ứng dụng điện thoại ngày càng cao tại Việt Nam.

Since establishment, the Company has continuously developed from the first Vietnamese online gaming company to one of the best technology, entertainment, internet service, software production company in Vietnam. The Company has provided to community a wide range of entertainment products with high quality such as: Zing information and entertainment gate, ZingMP3 online music website, ZingTV entertainment website. In recent years, VNG has expanded and developed more high quality product on mobile

platform – Zalo, Zingtv, Zing Mp3, Zing News Mobile, La Ban Browser to name a few, that are serving more and more demand of entertainment services, education through mobile applications in Vietnam.

Ngày 29/01/2011, Công Ty đã được chấp thuận việc đăng ký công ty đại chúng theo Công văn số 80/CQĐD-NV của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

On 29/01/2011, the Company was approved to become a public company in accordance with Official Letter No. 80/CQĐD-NV issued by State Securities Commission of Vietnam.

Tháng 04/2011, VNG là doanh nghiệp duy nhất được vinh danh “Doanh nghiệp nội dung số có sản phẩm, dịch vụ thương hiệu Việt Nam thành công nhất”.

In April 2011, VNG was the only company honored as “Digital content enterprise that has the most successful Vietnamese-branded products and services”.

Tháng 05/2014, VNG được vinh danh “Doanh nghiệp phát triển nhanh toàn cầu tại khu vực Đông Á” tại Diễn đàn Kinh tế Thế giới tổ chức ở Manila, thủ đô Philippines.

In May 2014, VNG was honored as "Global Fast-Growing Enterprise in East Asia" at the World Economic Forum held in Manila, the Philippines capital.

Cùng với quá trình phát triển, để đáp ứng nhu cầu về vốn cho việc mở rộng hoạt động kinh doanh, vốn điều lệ của Công Ty đã không ngừng tăng lên. Từ ngày thành lập cho đến nay, vốn điều lệ của Công Ty đã tăng lên đáng kể, từ 15 tỷ đồng năm 2004 cho đến cuối năm 2018 vốn điều lệ Công Ty đã tăng lên hơn 345 tỷ đồng; điều này là một minh chứng cho sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng và bền vững của Công Ty.

Together with the development, to meet the need of capital for expanding business, Charter Capital of the Company has been growing, from 15 billion Dongs in 2004 to more than 345 billion Dongs in 2018, demonstrating the strong, fast and sustainable growth of the Company.



3 **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

Lines and locations of the business

Ngành nghề kinh doanh chính / Main business lines:

- Kinh doanh trò chơi điện tử trên mạng
Online gaming
- Xuất bản phần mềm: sản xuất, tư vấn và cung cấp phần mềm
Software production: producing, advising and providing software
- Quảng cáo thương mại
Commercial Advertising

Địa bàn kinh doanh / Locations of business: Toàn quốc và Quốc tế/ *Nation wide & Global*



4 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Information about governance model, business organization and managerial apparatus

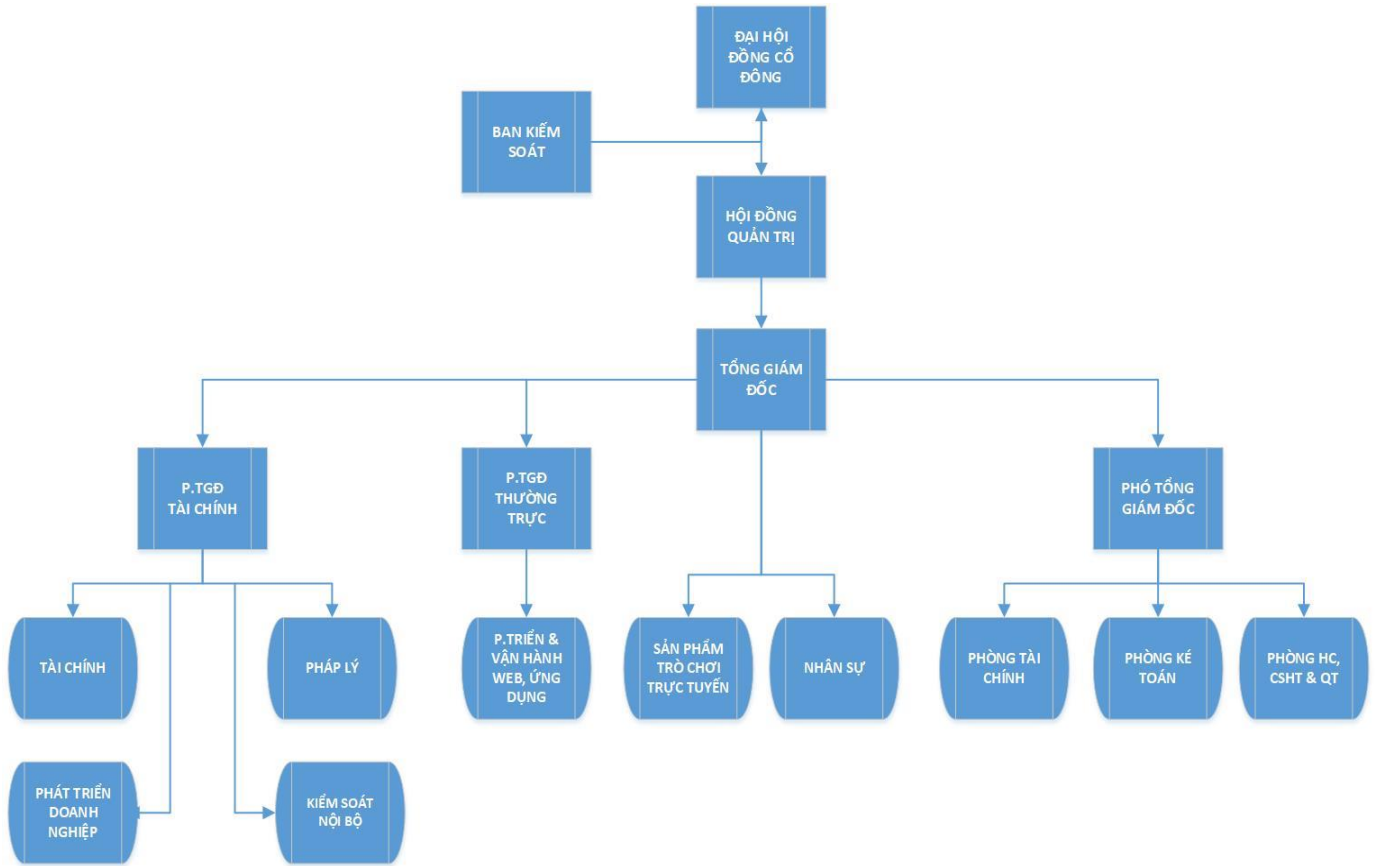
4.1 Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý

Governance Model and Management structure



Thông tin chung

General information



4.2

Công ty con, công ty liên kết

Subsidiaries and associated companies

4.2.1

Công ty con

Subsidiaries

Công Ty TNHH Phát Triển Phần Mềm VNG

VNG Software Development Company Limited

Địa chỉ: 182 Lê Đại Hành, Phường 15, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh

Address: 182 Le Dai Hanh, Ward 15, District 11, Ho Chi Minh City.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất và phát triển phần mềm các loại.

Main business lines: software production and development.

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 60.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate*: 100 % vốn điều lệ.



Công Ty TNHH Giải Trí Long Đỉnh

Dragon Top Entertainment Company Limited

Địa chỉ: Tầng 12A-14, Tòa nhà Văn phòng 165, Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội

Address: 12Ath -14th floor, Office Building, 165 Thai Ha, Lang Ha Ward, Dong Da District, Ha Noi City.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng; *Main business lines: online gaming service;*

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 20.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate*: 100 % vốn điều lệ



Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo

Nguyen Bao Digital Company Limited

Địa chỉ: 73/17 Trần Khánh Dư, Phường Mỹ An, Quận Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng / *Address: 73/17 Tran Khanh Du, My An Ward, Ngu Hanh Son District, Da Nang City*

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến;
Main business lines: Operate and distribute games online;

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital: 10.000.000.000 VNĐ*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 100 % vốn điều lệ*



Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ - Dữ Liệu Công Nghệ Thông Tin Vi Na
Vi Na Data Information Technology – Service Joint Stock Company

Địa chỉ: Toà nhà Helios, Lô 6, đường số 3, công viên phần mềm Quang Trung, phường Tân Chánh Hiệp, quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

Address: Helios tower, Lot 6, Street 3, Quang Trung Software City, Tan Chanh Hiep Ward, District 12, Ho Chi Minh city.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin.

Main business lines: information technology services

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital: 180.000.000.000 VNĐ*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 99,94 % vốn điều lệ.*



VNG Singapore Pte Ltd.

Địa chỉ/Address: 80 Raffles Place, #25-01 UOB Plaza , Singapore (048624)

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi;

Main business lines: Develop, distribute softwares, devices and computer components; provide services related to software and after-sales;

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 149.607.935.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate*: 99,94 % vốn điều lệ.



VNG Myanmar Company Limited

Địa chỉ/Address: No.148/B, Dhamma Zedi Road, Bahan Township, Yangon

Lĩnh vực kinh doanh chính: Phát triển dịch vụ phần mềm; phát triển và bán các phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính, cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi; tư vấn và kinh doanh các dịch vụ hỗ trợ; tư vấn phần mềm, kinh doanh, công nghệ, quản lý dịch vụ tư vấn.

Main business lines: software development sevices; to provide software related and post-sale services, computer equipments and spare parts; consultancy and business support services; software consultant, agency business, technical consultants, business consultants, management consultants and advisory services;

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 9.253.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate*: 99,94 % vốn điều lệ



MPT Entertainment Pte Ltd.

Địa chỉ/Address: 80 Raffles Place, #25-01 UOB Plaza , Singapore (048624)

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi;

Main business lines: Develop, distribute softwares, devices and computer components; provide services related to software and after-sales;

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 0 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate*: 99,94 % vốn điều lệ.



Công Ty Cổ Phần Dịch Vụ Mạng Vi Na

Vi Na Net Services Joint Stock Company

Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Address: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh city.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông.

Main business lines: value-added services on mobile and internet.

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 77.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate*: 99,5 % vốn điều lệ.



Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EPI

EPI Joint Stock Company

Địa chỉ: Tầng 5, ô D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Address: Floor 5, D29 slot, Cau Giay new city, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Ha Noi City.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang web, phần mềm và các công nghệ truyền thông

Main business lines: Online advertisement services, website design, software and media technology

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 1.000.000.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate*: 100 % vốn điều lệ



Công Ty Cổ Phần Zion

Zion Joint Stock Company

Địa chỉ: 52 Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Address: 52 Nguyen Ngoc Loc, Ward 14, District 10, Ho Chi Minh city.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ trung gian thanh toán.

Main business lines: intermediary payment services.

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital*: 218.385.710.000 VNĐ

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate*: 99,99 % vốn điều lệ.



Công Ty TNHH Truyền Thông Minh Phương Thịnh

Minh Phuong Thinh Communication Company Limited

Địa chỉ: 229 Huỳnh Ngọc Huệ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng/
Address: 229 Huynh Ngoc Hue St., Hoa Khe Ward, Thanh Khe District, Da Nang City

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Xuất bản phần mềm;

Main business lines: Software publishing;

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital: 6.000.000.000 VNĐ*

Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate: 100 % vốn điều lệ*

Công Ty TNHH VNG Online

VNG Online Company Limited

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà Trung tâm Báo chí học đường Báo Sinh Viên Việt Nam – Lô đất D29, Khu đô thị mới Cầu Giấy, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Address: Floor 7, Vietnamese Student Newspaper Center, D29 slot, Cau Giay new city, Yen Hoa ward, Cau Giay district, Ha Noi City.

Lĩnh vực sản xuất chính: Cung cấp dịch vụ công thông tin, quảng cáo;

Main business lines: Provide services of information portal, advertising;

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital: 1.000.000.000 VNĐ*

Tỷ lệ sở hữu/ *Ownership rate: 100 % vốn điều lệ*

Công Ty TNHH MTV Trung tâm Dữ liệu VNG

VNG Data Centre Company Limited

Địa chỉ: Tòa nhà SBI, Công viên Phần Mềm Quang Trung, Đường số 3, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP Hồ Chí Minh / *Address: SBI Building, Quang Trung Software City, Street No.3, Tan Chanh Hiep Ward, District 12, Ho Chi Minh City*

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: tư vấn máy tính và hệ thống quản lý máy tính / *Main business lines: consultantion of computer and computer system management*

Vốn Điều Lệ thực góp/ *paid-in charter capital: 5.000.000.000 VNĐ*

Tỷ lệ sở hữu/*Ownership rate: 100 % vốn điều lệ*

Công Ty TNHH Một Thành Viên Công Nghệ Và Phần Mềm ViNa (giải thể) *Vina Technology & Software One Member Company Limited (dissolved)*

Địa chỉ: Khu công nghiệp công nghệ cao – Khu công nghệ cao Hoà Lạc, km29 đường Láng Hoà Lạc, xã Hạ Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội.

Address: High tech industrial park – Hoa Lac high tech park, km29 Lang Hoa Lac street, Ha Bang Commune, Thach That District, Ha Noi City.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Dịch vụ cho thuê máy chủ, thông tin mạng và dịch vụ xử lý dữ liệu.

Main business lines: server leasing, online information and data processing.

- Quyết định của Chủ sở hữu về giải thể doanh nghiệp ký ngày 17/12/2018.

Resolution on the company dissolution dated 17 December 2018.


- Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể của Phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội ngày 28/12/2018.


Notification on the company dissolution issued by Hanoi Business Registration Office dated 28 December 2018.


4.2.2

Công ty liên kết

Associated companies:

	<p>Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn <i>Thanh Son Communication Company Limited</i></p> <p>Địa chỉ: Tầng 12A-14, Tòa nhà Văn phòng 165, Thái Hà, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP Hà Nội <i>Address: 12Ath -14th floor, Office Building, 165 Thai Ha, Lang Ha Ward, Dong Da District, Ha Noi City.</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: kinh doanh thẻ trò chơi và điện thoại trả trước; <i>Main business lines: game card and prepaid mobile card;</i></p> <p>Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 3.000.000.000 VNĐ Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate:</i> 49 % vốn điều lệ</p>
--	--

<p>Công Ty Cổ phần Ti Ki <i>Ti Ki Corporation</i></p> <p>Địa chỉ: 29/1 Đường số 4, Khu phố 3, Phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam <i>Address: 29/1 Street No.4, Quarter 3, Binh Khanh Ward, District 2, Ho Chi Minh City</i></p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet; <i>Main business lines: Retailing per order via post or internet;</i></p> <p>Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 506.279.785.737 VNĐ Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate:</i> 28,88 % vốn điều lệ</p>	
--	---

	<p>All Best Asia Group Limited</p> <p>Địa chỉ/ Address: Rm 1902, Easey Commercial Building, 253-261 Hennessy Road, Wanchai, Hong Kong.</p> <p>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: thiết kế phần mềm; <i>Main business lines: software design;</i></p> <p>Vốn Điều Lệ thực góp/ <i>paid-in charter capital:</i> 14.684.400.000 VNĐ</p> <p>Tỷ lệ sở hữu/<i>Ownership rate:</i> 50% vốn điều lệ</p>
---	---



5 Định hướng phát triển

Development orientations

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công Ty

Main objectives of the Company

Phát triển thành công ty internet hàng đầu tại Việt Nam và khu vực châu Á.
To become a dominant internet company in Vietnam and Asia.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Development strategies in medium and long term

Trong những năm sắp tới, bên cạnh các sản phẩm truyền thống, Công Ty sẽ tiếp tục phát triển các sản phẩm mới để phục vụ tốt hơn nhu cầu sử dụng của người dùng. Công Ty cũng sẽ đồng thời tập trung nghiên cứu phát triển các sản phẩm mang tính sáng tạo và giáo dục cao nhằm tạo ra các giá trị tích cực cho người dùng; điều chỉnh tỷ trọng cơ cấu doanh thu theo hướng đa dạng hoá sản phẩm phục vụ trong nước và xuất khẩu nhằm từng bước phấn đấu đưa VNG trở thành công ty internet hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Châu Á.

In the years onward, together with traditional products, the Company will continue to develop more new products to better serve the customers's need. The Company will also concentrate on researching to develop the creative and educative products to bring positive values for customes; adjust revenue structure in a way of varying products for domestic and international serve to make VNG become the Top Internet Company in Viet Nam and Asia.



5.3

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công Ty

Objectives to environment, society and community sustainability of the Company

Với việc xác định sứ mệnh phát triển của công ty là “Phát triển Internet để thay đổi cuộc sống người Việt Nam”, VNG đã có nhiều hoạt động thường niên hướng đến môi trường, xã hội và cộng đồng bên cạnh việc tập trung đầu tư nghiên cứu, phát triển những sản phẩm thuần Việt. Mục tiêu của các hoạt động vì cộng đồng năm 2018 được xác định như sau:

The Company’s developing mission is “Developing the Internet to change Vietnamese lives”, VNG has lots of annual activities toward environment, society and community besides concentrating on investing and researching, developing Vietnamese products. Activities’ targets for community in 2018 was determined as following:

- 1- Thực hiện các dự án nhằm tạo thêm cơ hội cho các trẻ em vùng sâu vùng xa phát triển

Conducting many projects to give more opportunities to develop for students in far area.

- 2- Trao học bổng cho các em học sinh khuyết tật đang còn nhiều khó khăn nhằm hỗ trợ cho các em phấn đấu hơn trong học tập.

Awarding scholarships for some Disabled Children which is still in difficulty to support them to strive more in study.

- 3- Thực hiện xây dựng lại cơ sở vật chất cho các ngôi trường ở vùng sâu vùng xa.

Reconstructing facilities for schools in far area.



- 4- Tài trợ cho các hoạt động thiện nguyện của các quỹ từ thiện nhằm đồng hành với những hoạt động thiện nguyện hướng đến những đối tượng khó khăn cần được sự hỗ trợ.

Sponsoring for nonprofit activities of charity funds to travel with non-profit activities toward difficult people who need support.

- 5- Tổ chức những sự kiện giải trí hoặc thể thao nhằm tạo điều kiện cho giới trẻ Việt Nam được tiếp cận với những sự kiện mang tính thách thức cũng như được thỏa sức sáng tạo.

Organizing entertainment or sport events for Vietnamese youth to approach many challenging and creative events.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG mong muốn phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững. Bên cạnh đó, tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam được trải nghiệm những thách thức cũng như tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG wishes to develop education by using Internet, to contribute a sustainable development of our country. Besides, we also create environment for Vietnamese youth to experience challenges as well as freely create, connect to society.



6 Các rủi ro

Risks

Một số rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công Ty:
Risks probably affect Company's business operation:

- Rủi ro từ việc rò rỉ thông tin
Risks in information leakage;
- Rủi ro về sự cố an ninh mạng
Risks in network security;
- Rủi ro về bảo vệ an toàn dữ liệu
Risks in data security;
- Rủi ro từ cạnh tranh trên thị trường các công ty công nghệ
Risks in the competition in the market of technology companies;
- Rủi ro về việc thiếu hụt nhân sự cấp cao hoặc nhân sự chuyên môn cao
Risks in shortage of senior or highly specialized personnel;
- Rủi ro từ việc thay đổi chính sách về đầu tư và phát triển;
Risks in changes in policy of investment and development;
- Rủi ro từ việc thay đổi chính sách về quản lý hoạt động Internet;
Risks in changes in policy of Internet operating;
- Rủi ro về thay đổi môi trường
Risks in environmental change



Thông tin chung General information

Tuy môi trường không phải là yếu tố tác động trực tiếp đến việc kinh doanh của công ty nhưng sự biến đổi của nó đang gây ra những thiệt hại đến việc vận hành của VNG. Hàng năm, VNG phải chi nhiều chi phí liên quan đến việc bảo dưỡng, bảo trì máy móc bị ăn mòn, hư hỏng do tác động của thiên nhiên. Hiện tượng mưa bão lũ, triều cường cũng ảnh hưởng đến hoạt động của nhân viên VNG.

While the environment does not have a direct impact on the business of the company, its variability is damaging to VNG's operation. Every year, VNG has to spend a lot of expenses related to the maintenance of corroded and damaged machinery due to environmental impacts. The phenomenon of rain storm, flood tide also affects the operation of VNG staff.





**Tình hình hoạt động
trong năm 2018**
2018 operation



1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Business operation

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Results of business operations in the year



Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

Công ty Cổ phần VNG

B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.316.788.220.514	4.266.951.013.745
11	2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(1.994.797.423.656)	(1.867.182.717.502)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.321.990.796.858	2.399.768.296.243
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	157.885.249.157	131.406.408.653
22	5. Chi phí tài chính	24	(3.368.634.575)	(951.198.533)
24	6. Phần lỗ trong công ty liên kết	13.1	(242.716.365.695)	(122.339.087.695)
25	7. Chi phí bán hàng	26	(1.194.020.224.336)	(764.421.953.907)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(566.604.927.323)	(450.317.500.600)
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		473.165.894.086	1.193.144.964.161
31	10. Thu nhập khác	25	2.742.803.080	2.570.392.528
32	11. Chi phí khác	25	(43.323.721.753)	(37.546.407.265)
40	12. Lỗ khác	25	(40.580.918.673)	(34.976.014.737)
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		432.584.975.413	1.158.168.949.424
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(114.102.946.755)	(220.513.471.990)
52	15. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	14.794.602.986	523.969.280
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		333.276.631.644	938.179.446.714
61	17. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông của công ty mẹ		336.182.955.386	938.118.053.651
62	18. (Lỗ) lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông không kiểm soát	22	(2.906.323.742)	61.393.063
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	13.886	39.704
71	20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	29	12.703	36.087

Trần Thị Thanh Tuyền

Lê Trung Tín



Lê Hồng Minh

Tình hình hoạt động trong năm 2018 2018 operation

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch
Actual progress against the plan

Đơn vị: Đồng/ Unit: Dong

<i>Chỉ tiêu Items</i>	<i>Thực hiện Actual</i>	<i>Kế hoạch Budgeted</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ <i>Revenue from sale of goods and rendering of services</i>	4.316.788.220.514	5.006.465.374.548
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế <i>Accounting profit before tax</i>	432.584.975.413	668.395.699.802
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN <i>Net profit after tax</i>	333.276.631.644	548.533.030.442

2 Tổ chức nhân sự *Organization and Human Resources*

2.1 Ban Điều Hành Công Ty *Management*

Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp và Kế Toán Trưởng

Chief Executive Officer, Vice President, Chief Financial Officer, Corporate Development Director, Chief Accountant

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

<p>Tổng Giám Đốc Chief Executive Officer</p> <p>Họ và tên: Lê Hồng Minh <i>Full name: Le Hong Minh</i></p> <p>Chức vụ công tác hiện nay/<i>Title</i>: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc/ <i>Chairman of BOD cum CEO.</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần/<i>Ownership rate</i>: <i>14,94 %</i></p>	<ul style="list-style-type: none">• Trình độ chuyên môn/ <i>Qualifications</i>: Cử nhân /<i>Bachelor</i>• CMND: 023161875; ngày cấp: 18/07/2009; nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh <i>ID Card: 023161875; Date of issue: 18/07/2009; Place of issue: Ho Chi Minh City</i>• Địa chỉ thường trú: 1805 B khu căn hộ Hùng Vương, số 126 Hùng Vương, phường 12, quận 5, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. <i>Residential address: 1805B Hung Vuong Plaza, No.126 Hung Vuong Street, Ward. 12, Dist. 5, Ho Chi Minh City</i>
--	--

Tình hình hoạt động trong năm 2018 2018 operation

<p>Phó Tổng Giám Đốc Tài Chính <i>Chief Financial Officer</i></p> <p>Họ và tên/<i>Full name</i>: Shen Hao</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần/<i>Ownership rate</i>: 0%</p>	<ul style="list-style-type: none">• Trình độ chuyên môn/ <i>Qualifications</i>: Thạc Sĩ / Master• Hộ chiếu số: KJ0317934; ngày cấp: 30/10/2013; nơi cấp: Hong Kong <i>Pasport No.: KJ0317934; Date of issue: 30/10/2013; Place of issue: Hong Kong</i>• Địa chỉ thường trú: Hong Kong/ <i>Residential Address: Hong Kong.</i>
<p>Phó Tổng Giám Đốc Thường Trực <i>Executive Vice President</i></p> <p>Họ và tên: Vương Quang Khải <i>Full name: Vuong Quang Khai</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần/<i>Ownership rate</i>: 1,73%</p>	<ul style="list-style-type: none">• Trình độ chuyên môn/ <i>Qualifications</i>: Thạc Sĩ / Master• CMND: 001079000218; ngày cấp: 01/02/2013; nơi cấp: Công an Hà Nội <i>ID Card: 001079000218; Date of issue: 01/02/2013; Place of issue: Ha Noi Police</i>• Địa chỉ thường trú: Biệt thự 110 Riviera, 60 Giang Văn Minh, An Phú, Quận 2, Hồ Chí Minh. <i>Residential address: Villa 110 Riviera, 60 Giang Van Minh, District 2 Ho Chi Minh City, Vietnam.</i>

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

<p>Phó Tổng Giám Đốc <i>Vice President</i></p> <p>Họ và tên: Huỳnh Mỹ Loan <i>Full name: Huynh My Loan</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần/<i>Ownership rate:</i> 0%</p>	<ul style="list-style-type: none">• Trình độ chuyên môn/ <i>Qualifications:</i> Cử Nhân/<i>Bachelor</i>• CMND số: 023280563; ngày cấp: 26/08/2013; nơi cấp: CA. HCM <i>ID Card: 023280563; Date of issue: 26/08/2013; Place of issue: Police Ho Chi Minh</i>• Địa chỉ thường trú: 553/4 Trần Hưng Đạo, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. <i>Residential address: 553/4 Tran Hung Dao St., District 1, Ho Chi Minh City.</i>
<p>Giám Đốc Phát Triển Doanh Nghiệp <i>Corporate Development Director</i></p> <p>Họ và tên/ <i>Full name:</i> Thomas Loc Herron</p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần/<i>Ownership rate:</i> 0%</p>	<ul style="list-style-type: none">• Trình độ chuyên môn/ <i>Qualifications:</i> Thạc Sĩ / Master• Hộ chiếu số: 505889285; ngày cấp: 24/10/2014; nơi cấp: Hoa Kỳ <i>ID Card: 505889285; Date of issue: 24/10/2014; Place of issue: America</i>• Địa chỉ thường trú: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh <i>Residential address: 225 Ben Chuong Duong St., Co Giang Ward, Dist. 1, Ho Chi Minh City.</i>

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

<p>Kê Toán Trưởng <i>Chief Accountant</i></p> <p>Họ và tên: Lê Trung Tín <i>Full name: Le Trung Tin</i></p> <p>Tỷ lệ sở hữu cổ phần/<i>Ownership rate:</i> 0 %</p>	<ul style="list-style-type: none">• Trình độ chuyên môn/ Qualifications: Thạc Sĩ / Master• CMND số:023755867 Ngày cấp: 21/04/2015; Nơi cấp: TP. Hồ Chí Minh <i>ID Number: 023755867; Date of issue: 21/04/2015; Place of issue: Ho Chi Minh City</i>• Địa chỉ thường trú: 283/12/1B Bông Sao, Phường 5, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh <i>Residential address: 283/12/1B Bong Sao Street, Ward 5, District 8, Ho Chi Minh City.</i>
---	--



Tình hình hoạt động trong năm 2018 2018 operation

Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in Senior Management team:*

Ông Nguyễn Hoàng Tiến / *Mr. Nguyen Hoanh Tien:*

- Giới tính/ *Sex:* Nam/ *Male*
- Ngày sinh/ *Date of birth:* 06/05/1975
- CMND: 011753243; ngày cấp: 17/09/2013; nơi cấp: Công an Hà Nội / *ID Card: 011753243; Date of issue: 17/09/2013; Place of issue: Ha Noi Police*

đã thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc Vận Hành của Công Ty theo Quyết định số 28/2018/QĐ-TGD ngày 9/10/2018 do Tổng Giám Đốc Công Ty ban hành / *has resigned as Vice President of Operations of the Company in accordance with the Decision No. 28/2018/QĐ-TGD dated 9 October 2018.*

3 Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Investment activities, project implementation

- Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*: Chủ yếu đầu tư vào tài sản cố định / *mainly for buying fixed assets*
- Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, affiliates*:

STT	Tên công ty/ Company	Tỷ lệ sở hữu Ownership percentage (%)	Giá trị đầu tư Investments (VNĐ)	Lợi nhuận/Lỗ Profit/ Loss (VNĐ)
1.	Công ty TNHH phát triển phần mềm VNG/ <i>VNG Software Development Company Limited</i>	100%	60.000.000.000	235.392.773.798
2.	Công ty TNHH Giải Trí Long Đình/ <i>Dragon Top Entertainment Company Limited</i>	100%	20.000.000.000	15.060.455.254
3.	Công Ty TNHH Nội Dung Số Nguyên Bảo <i>Nguyen Bao Digital Company Limited</i>	100%	10.000.000.000	(9.806.471.923)
4.	Công ty cổ phần dịch vụ - dữ liệu công nghệ thông tin Vi Na/ Vinadata <i>Information Technology Service Joint Stock Company</i>	99,94%	187.100.000.000	150.009.145.438
5.	VNG Singapore Pte. Ltd	99,94%	149.607.935.000	28.219.101.216
6.	Công Ty VNG Myanmar Limited <i>VNG Myanmar Company Limited</i>	99,94%	9.253.000.000	(3.401.634.138)

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

7.	Công Ty MPT Entertainment Pte Ltd/ <i>MPT Entertainment Company Limited</i>	99,94%	0	0
8.	Công ty cổ phần dịch vụ mạng Vi Na/ <i>Vi Na Net Services Joint Stock Company</i>	99,5%	124.073.818.913	(2.496.028.731)
9.	Công ty Cổ Phần Zion <i>Zion Joint Stock Company</i>	99,99%	238.440.710.000	(133.542.542.576)
10.	Công ty cổ phần công nghệ EPI <i>EPI Technologies Joint Stock Company</i>	100%	51.433.844.903	89.319.402.235
11.	Công ty TNHH truyền thông Minh Phương Thịnh <i>Minh Phuong Thinh Communication Company Limited</i>	100%	6.000.000.000	56.485.404.071
12.	Công ty MLT Hong Kong Limited <i>MLT Hong Kong Limited</i>	100%	0	0
13.	Công ty TNHH VNG Online <i>VNG Online Company Limited</i>	100%	1.000.000.000	24.868.118.445
14.	Công Ty TNHH Trung tâm dữ liệu VNG / <i>VNG Data Center</i>	100%	5.000.000.000	152.716.634
15.	Công ty TNHH thương mại dịch vụ truyền thông Thanh Sơn <i>Thanh Son Communication Services Trading Company Limited</i>	49%	1.470.000.000	22.544.462.983
16.	All Best Asia Group Limited	50%	14.684.400.000	(46.809.480)
17.	Công ty cổ phần Tiki <i>Tiki Joint Stock Company</i>	28,88%	506.279.785.737	(756.697.666.400)

4 **Tình hình tài chính**

Financial situation

4.1 **Tình hình tài chính**

Financial situation

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018	Tăng /Giảm Change (%)
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	4.300.368.969.986	4.879.247.428.442	13%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	4.266.951.013.745	4.316.788.220.514	1%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	1.193.144.964.161	473.165.894.086	-60%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(34.976.014.737)	(40.580.918.673)	-16%
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	1.158.168.949.424	432.584.975.413	-63%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	938.179.446.714	333.276.631.644	-64%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>	-	-	

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

4.2

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks:*

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2017	Năm/Year 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio:</i> Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>) + Hệ số thanh toán nhanh/ <i>Quick ratio:</i> <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <u><i>Short term Asset - Inventories</i></u> <u><i>Short term Debt</i></u>	3,61 3,59	3,44 3,43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i> + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>) + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)	0,19 0,24	0,21 0,27
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i> + Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover:</i>	145	150

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

+Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)	1	0,88
+Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)		
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i>		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)	0,27	0,1
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)	0,27	0,09
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)	0,22	0,07
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)	0,28	0,11

5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Shareholding structure, changes in owner's equity

5.1 Cổ phần

Shares

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 27.072.175 cổ phần, trong đó:

Total outstanding shares: 27.072.175 shares, including:

- Cổ phần phổ thông/ *Ordinary shares: 27.072.175*
- Cổ phần ưu đãi biểu quyết/ *Voting Preference shares: 0*
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do/ *freely transferable shares: 27.072.175*
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng/ *locked-up shares: 0*

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

5.2

Cơ cấu cổ đông

Shareholding structure

ST	Tiêu chí/Criteria	Số lượng cổ phần Amount of shares	Tỷ lệ sở hữu Ownership Percentage (%)
1	Cổ đông lớn/ Major shareholders	18.588.270	53,82
	Cổ đông nhỏ/ Minor shareholders	8.483.905	24,57
2	Cổ đông tổ chức/Organization shareholders	18.898.596	54,72
	Cổ đông cá nhân/Individual shareholders	8.173.579	23,66
3	Cổ đông trong nước/Domestic shareholders	10.535.819	30,5
	Cổ đông nước ngoài/ Foreign shareholders	16.536.356	47,88
4	Cổ đông nhà nước/ Governmental shareholders	0	0
	Cổ đông khác/ Other shareholders	27.072.175	78,39

5.3

Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Owner capital investments changes

Thời gian Time	Nội dung tăng Content	Vốn cổ phần (VNĐ) Share capital (VND)
24/09/2018	Tăng vốn theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động <i>Increasing capital according to the plan to issue shares to employee</i>	345.362.570.000

5.4

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trade treasury share

Số lượng cổ phiếu quỹ cuối kỳ: 7.464.082 cổ phiếu

Treasury shares ending balance: 7.464.082 shares.

5.5

Các chứng khoán khác

Others share

Không có/ *Not applicable.*

6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Report related impact of the Company on the environment and society

6.1

Quản lý nguồn nguyên vật liệu/ Management of raw materials

Không có/ Not applicable.

6.2

Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

- a) *Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/ Energy consumption - directly and indirectly: 220.000 KWH/tháng, tương đương 2.640.000 KWH/năm.*
- b) *Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/ Energy savings through initiatives of efficiently using energy: Không/ Not applicable.*
- c) *Trong năm 2019, triển khai phát triển chương trình tiết kiệm năng lượng và hướng tới năng lượng xanh (dùng một phần năng lượng mặt trời)/ In 2019, implementing the plan of development of energy-saving programs and towards using green energy (using solar energy) to reduce the energy consumption of the national grid.*
- c) *Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này/ The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives: Không/ No.*

6.3

Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ *Water consumption (water consumption of business activities in the year)*

Công ty chỉ sử dụng nước cho sinh hoạt của nhân viên/ *The Company only provide water for staff.*

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ *Water supply and amount of water used: Không/ Not applicable.*
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ *Percentage and total volume of water recycled and reused: Không/ Not applicable.*

6.4

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ *Compliance with the law on environmental protection*

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment: Không/ No.*
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ *The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không/ No*

7 Chính sách liên quan đến người lao động

Policies related to employees

7.1 Số lượng người lao động/ *Quantity of Labour:*

Trình độ Level	Số lượng (người) Quantity (people)	Tỷ lệ (%) Rate (%)
Trên đại học/ Post graduate	139	6%
Đại học/ University	2047	89%
Cao đẳng, trung cấp/ College	79	3%
Khác/ Others	47	2%
TỔNG CỘNG/ TOTAL	2312	100%

Thu nhập bình quân của người lao động trong năm 2018:
15.200.00VND/người/tháng. *Per capita income in 2018: VND*
15.200.000/person/month.

7.2 Chính sách lao động/ *Employee's policies:*

VNG không ngừng cải thiện môi trường, điều kiện làm việc nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thông qua việc xây dựng và củng cố văn hoá doanh nghiệp của Công Ty, tạo động lực tốt cho người lao động cống hiến, gắn bó dài lâu vì sự phát triển của Công Ty, thể hiện qua các chính sách của Công Ty:

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

VNG always improves the environment, working conditions to enhance the physical and spirit life for VNG workforce through constructing and consolidating the Corporate Culture, making a great motivation to dedicate and have strong relationship for the development of Company, which are expressed in Company's policies:

- 1- Chính sách đãi ngộ: Chính sách này được xây dựng căn cứ trên các tiêu chí bình đẳng, minh bạch và tương xứng với kết quả và chất lượng công việc.

Compensation policy: this policy was based on basic of equality, transparency and deserved with the results and quality of work.

Từ năm 2013, VNG đã thực hiện chính sách đãi ngộ mới, đảm bảo 100% người lao động biết được chế độ khen thưởng của Công Ty, mức khen thưởng của mình dựa trên kết quả công việc nhằm tạo động lực, khuyến khích trực tiếp đến từng cá nhân.

Since 2013, VNG has applied a new compensation policy, 100% employee knew about award policy of the Company, bonus level of each individual to motivate and encourage to each individual.

Hệ thống đãi ngộ VNG được phân thành 4 loại, gồm: / *VNG's compensation system is classified into 4 groups:*

- Lương: lương sản xuất, kinh doanh (12 tháng); lương tháng 13 được thưởng vào dịp tết Nguyên Đán; / *Salary: production salary, business salary (12 months); the 13rd month salary on Tet holidays;*
- Phụ cấp: phương tiện vận chuyển, chi phí điện thoại, thiết bị truy cập không dây, phụ cấp kiêm nhiệm; / *Allowances: vehicles, mobile expenses, wireless devices, functional allowances and more.*

Tình hình hoạt động trong năm 2018

2018 operation

- Thưởng: theo hiệu quả kinh doanh, thành tích thực hiện dự án/công việc; thưởng vào dịp thành lập Công Ty;/ *Bonus: depend on business results, achievements of projects/ jobs; bonused on the foundation day of Company;*
- Phúc lợi xã hội: Bảo hiểm xã hội/y tế/thất nghiệp, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn cho người lao động và người thân; khám sức khỏe định kỳ và chế độ nghỉ mát, xây dựng đội nhóm/ *Social welfare: Social/ health/ unemployment insurances, health/ accident insurance for staffs and relative; periodical health care and teambuilding policy...*

2- Chính sách thăng tiến: VNG luôn chú trọng đến chính sách thăng tiến nhằm tạo điều kiện cơ hội, môi trường và chế độ cho các nhân sự tiềm năng. Một loạt chính sách phục vụ cho việc thăng tiến của người lao động tiềm năng đã được ban hành và duy trì thực hiện tốt như: chính sách quy hoạch nhân sự nòng cốt; chính sách luân chuyển lãnh đạo; chính sách bổ nhiệm, miễn nhiệm công bằng và minh bạch. *Promotion policy: VNG concentrates on promotion policy to make opportunities, environment for potential personel. A wide range of promotion policies was promulgated and remained such as: core member policy; alternating manager policy; appointment, dismissal equally and transparently.*

Bên cạnh đó, VNG còn xây dựng các chính sách để phát hiện, thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ xứng đáng đối với người có tài năng và khen thưởng tương xứng với người phát hiện, giới thiệu thành công các vị trí nhân sự phù hợp. *Besides, VNG forms policies on finding, attracting, training, compensating deservedly for talent individual and awards for those who found them.*

3- Chính sách đào tạo: thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo. VNG khuyến khích, tạo điều kiện tốt nhất cho mọi cán bộ nhân viên phát triển toàn diện về cả năng lực chuyên môn và kỹ năng mềm không chỉ thông qua công việc mà còn qua đào tạo, tự đào tạo, trao đổi kiến thức. Điều này được thể hiện qua việc VNG

Tình hình hoạt động trong năm 2018 2018 operation

có riêng một Bộ phận phát triển đào tạo chuyên nghiên cứu, thường xuyên tổ chức đào tạo và tái đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn cho cán bộ và nhân viên. VNG khuyến khích các chương trình đào tạo thuê ngoài và tự đào tạo nội bộ. Cán bộ nhân viên khi tham gia các chương trình đào tạo được Công Ty tài trợ toàn bộ chi phí học tập, tài liệu, đi lại và ăn ở.

Training policy: usually holding the training and re-training programs. VNG encourages and provides best conditions for staff to develop completely professional qualifications and soft skills not only in working but also in training, self – training, knowledge exchanging. This shows that VNG has Development Training Department to research, hold the train and re-train programs to enhance the managing qualifications professionals. VNG encourages the outsource training and internal self-training programs. Staff are sponsored studying, including: document, travelling and accommodation expense.

Một số chương trình đào tạo chính của VNG/ *Some of VNG's training programs:*

- Đào tạo định hướng cho người lao động mới: 100% nhân viên mới gia nhập Công Ty được tham gia khóa đào tạo định hướng nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của VNG.

Orientation training for new staff: 100% new staff are joined the orientation training to get familiar with the work and understand core value of Company.

- Đào tạo công nghệ: thường xuyên tổ chức đào tạo, cập nhật từng xu hướng công nghệ mới, đào tạo thi chứng chỉ của những công nghệ hàng đầu để đội ngũ công nghệ nâng cao trình độ và khả năng sáng tạo.

Technology training: often training, updating new technology trend, training staff to take high technology certificates test on top technology for tech staff to be enhance the professional skills and creativity.

- Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng chuyên môn: chú trọng và khuyến khích nhân viên được đào tạo nâng cao về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu công việc.

Tình hình hoạt động trong năm 2018 2018 operation

Specialization training: concentrating and encouraging staff to be trained higher level on professional knowledge, specialization skills to adapt the job requirements.

- Đào tạo kỹ năng bổ sung: 100% nhân viên được khuyến khích tham gia các lớp đào tạo kỹ năng mềm và ngoại ngữ để kịp thời đáp ứng xu thế phát triển và hội nhập.

Supplementary skill training: 100% staff are encouraged to join soft skill and language training to adapt global development and integration.

- Đào tạo lực lượng cán bộ kế cận: ưu tiên nguồn lực để đào tạo nhân sự nòng cốt trở thành lực lượng quản lý lãnh đạo kế cận, phục vụ nhu cầu phát triển của toàn tập đoàn.

Training the next generation: Prioritizing resources to train employees to become the core management forces, to serve the development needs of the Company.





**Báo cáo và đánh giá
của Ban giám đốc**

**Report and assessment of the
Senior Management Team**



1 **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Assessment of operating results

Với tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam còn nhiều biến động trong năm qua, VNG đã có nhiều nỗ lực và đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

Through fluctuating economic status of the world and Vietnam for years, VNG has made lots of effort and achieved business operation results as follow:

Đơn vị: tỷ đồng/ Figures in: Billion Dongs

CHỈ TIÊU TARGET	2017	2018	So sánh năm 2018 và 2017 Compare between 2018 and 2017 Tăng/Giảm /Increase/Decrease (%)	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Net revenue from sale of goods and rendering of services</i>	4.267	4.317	50	1%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ / <i>Gross profit from sale of goods and rendering of services</i>	2.400	2.322	-78	-3%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế / <i>Accounting profit before tax</i>	1.158	433	-725	-63%

**Báo cáo và đánh giá
của Ban giám đốc**
**Report and assessment of the
Senior Management Team**

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN/ <i>Net profit after tax</i>	938	333	-605	-64%
Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ/ <i>Net profit (loss) after tax attributable to non- controlling interests</i>	938	336	-602	-64%

Những tiến bộ Công Ty đã đạt được/ *The Company's achievements:*

- ❖ ZaloPay: Đạt mốc trên 1 triệu giao dịch/tháng, có 250.000 tài khoản hoạt động/tháng, giá trị giao dịch trên 300 tỷ/tháng, tăng 10 lần so với 2017;
ZaloPay reached 1 million transactions per month, has 250.000 actived accounts, with the value of more than 300 billion VND, 10 times better than that of 2017;
- ❖ VNG Cloud Services được chính thức vận hành dưới tên Vinadata Cloud Services và nhanh chóng đạt được các thành tựu;
VNG Cloud Services was officially launched with the name VinaData Cloud Services and quickly achieved;
 - Thêm 1000 tài khoản đăng ký trên VinaData Portal/ *more than 1000 accounts registered on VinaData Portal*
 - Bandwidth Capacity tăng gấp đôi/ *bandwidth capacity has doubled*
 - Lợi nhuận 2018 đạt gấp 3 lần so với 2017/ *revenue has skyrocketed 3 times compared with that of 2017*
- ❖ Giải đấu thể thao điện tử quốc tế CrossFire Legends Mobile Invitational 2018 do VNG đăng cai tổ chức với sự tham gia của 8 đội tuyển đến từ các quốc gia:

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc


Report and assessment of the Senior Management Team

Việt Nam, Thái Lan, Hàn Quốc và Trung Quốc, là dấu ấn nổi bật của khối Game Enterprise trong năm 2018.

The international e-sports tournament CrossFire Legends Mobile Invitational 2018, hosted by VNG with the participation of 8 teams from different countries: Vietnam, Thailand, Korea and China, is the most outstanding project of the Game Enterprise in 2018.

- ❖ Trong lĩnh vực thể thao, trang web 123Go có những bước tiến vượt ra ngoài lãnh thổ Việt Nam, đó là Vận hành hệ thống chip timing cho hai giải chạy quốc tế tại Cambodia: Phnom Penh Marathon và Angkor Wat Half Marathon
In sports, website 123Go took the first step outside Vietnam, operating the chip timing system of Phnom Penh Marathon and Angkor Wat Half Marathon.

- ❖ Các giải thưởng VNG đạt được trong năm 2019/ *VNG 2019 Awards*
 - Đạt danh hiệu “Nhà phát hành hàng đầu khu vực Đông Nam Á” do App Annies bình chọn;
Received the "Leading Southeast Asian Publisher" award by App Annie - the world's leading application data provider.
 - Top 40 thương hiệu công ty giá trị nhất Việt Nam năm 2018 do tạp chí Forbes bầu chọn;
VNG listed in Forbes' Top 40 Vietnamese most valuable brands;
 - Giải thưởng Doanh nhân trẻ xuất sắc cho Tổng Giám Đốc Lê Hồng Minh do Ủy ban nhân dân TP. HCM trao tặng;
VNG CEO Le Hong Minh was awarded "Brilliant Young Entrepreneur" by HCMC People's Committee;
 - Top 50 doanh nghiệp Công Nghệ Thông Tin hàng đầu Việt Nam 2018 của Hiệp hội Internet Phần mềm và Dịch vụ Công Nghệ Thông Tin Việt Nam
Top 50 tech companies in Vietnam according to VINASA;



**Báo cáo và đánh giá
của Ban giám đốc**
**Report and assessment of the
Senior Management Team**

- Top 5 doanh nghiệp công nghệ Việt Nam uy tín năm 2018 do Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) bình chọn
Top 5 reputable Vietnamese technology companies in 2018, according to Vietnam Report
- Giải thưởng Công Nghệ Thông Tin Truyền Thông năm 2018 do Sở Thông tin & Truyền thông TP HCM trao.
Received the ICT Awards 2019 by HCMC Department of Information and Communications



2 **Tình hình tài chính**

Financial Situation

Tình hình tài sản và nợ phải trả/ *Assets and Liabilities*



Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

Report and assessment of the Senior Management Team

Công ty Cổ phần VNG

B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.046.987.961.101	822.233.546.312
310	I. Nợ ngắn hạn		1.031.590.826.618	811.715.229.347
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	271.906.342.635	234.729.004.475
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.798.979.543	9.218.876.291
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	94.451.515.764	155.734.874.147
314	4. Phải trả người lao động		1.901.111.783	2.458.308.371
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	515.815.752.647	339.490.826.109
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	39.176.354.816	30.538.920.814
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	103.629.732.223	39.544.419.140
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		911.037.207	-
330	II. Nợ dài hạn		15.397.134.483	10.518.316.965
337	1. Phải trả dài hạn khác		77.000.000	342.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	27,3	7.163.742.400	2.109.374.800
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	8.156.392.083	8.066.942.165
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.832.259.467.341	3.478.135.423.674
410	I. Vốn chủ sở hữu		3.832.259.467.341	3.478.135.423.674
411	1. Vốn cổ phần	21,1	345.362.570.000	337.220.560.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21,1	518.057.360.853	510.172.070.853
415	3. Cổ phiếu quỹ	21,1	(2.006.645.483.168)	(2.006.645.483.168)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	21,1	19.357.034.762	14.536.922.739
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21,1	4.958.091.266.591	4.621.908.311.205
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.621.908.311.205	3.683.790.257.554
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm nay		336.182.955.386	938.118.053.651
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	(1.963.281.697)	943.042.045
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.879.247.428.442	4.300.368.969.986



Trần Thị Thanh Tuyền

Lê Trung Tín



3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Improvements in organizational structure, policies, management

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management: Không/Not applicable*

4 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Assessment Report related to environmental and social responsibility of company

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

- a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...):*

Nhìn chung, Công Ty đã tích cực hạn chế lãng phí điện, nước, nâng cao nhận thức của nhân viên về việc tiết kiệm năng lượng để bảo vệ môi trường/ *The Company generally have positively limited wasting in electricity, water and raising awareness of employees about energy-saving for environmental protection.*

- b) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/ *Review concerning corporate responsibility towards the local community*

❖ **Sự kiện mừng sinh nhật VNG 13+1**

VNG 13+1 – Embracing Community Campaign

Diễn ra từ tháng 7/2018 – 12/2018, VNG 13+1 Embracing Community là dự án vì cộng đồng có quy mô lớn nhất từ trước đến nay của VNG, bao gồm các dự án do chính Starter (nhân viên công ty) phát động, gây quỹ và thực hiện dưới sự tư vấn về định hướng cũng như hỗ trợ tài chính theo tỉ lệ 1:1 từ VNG. Sau thời gian thẩm định, 9 dự án thiện nguyện do Starter tự gây quỹ với tổng số tiền 1.881.087.476 đồng thời được VNG tài trợ thêm 1.881.087.476 đồng, bao gồm:

VNG 13 +1 Embracing Community along with its 9 community projects, owned and run by Starters, have been the true inspiration. The projects were completed successfully with the total donation of VNĐ 3,6 billion dong, half raised by Starters themselves and half funded by VNG Corporation.

- ✚ Dự án Hệ thống nước sạch vùng cao trị giá 56,400,000 VND
Clean water system for remote area
- ✚ Dự án Vui hội trăng rằm 3 trị giá 109,275,000 VND
Mid-autum festivals for children at Dak Nong
- ✚ Dự án Chăm sóc trẻ em Gieo Mầm trị giá 115,728,569 VND
Children Health Care Project
- ✚ Dự án Học bổng Đáp đền Tiếp nối trị giá 300,000,000 VND
Scholarships for Disabled Children Project
- ✚ Dự án Thắp sáng con chữ vùng cao trị giá 139,721,990 VND
Bring education to remote area children Project
- ✚ Dự án Xây nhà vệ sinh cho trẻ em Khmer ở Sóc Trăng trị giá 127,500,000 VND

Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

Report and assessment of the Senior Management Team

Restroom built for Khmer children at Soc Trang

- ✚ Dự án Xây trường nội trú Viên gạch hồng trị giá 225,005,140 VND

“Vien gạch hong” building school project

- ✚ Dự án Xây trường Góp gạch yêu thương trị giá 230,055,000 VND

“Gop gạch yeu thuong” building school project

- ✚ Dự án Xây trường tiểu học Góp sức tới trường trị giá 327,401,177 VND

“Gop suc toi truong” building school project

❖ **UpRace – Dự án Chạy bộ vì Cộng đồng**

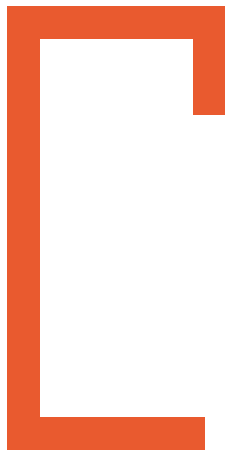
UpRace – Running Platform for Community

UpRace 2018 là giải chạy bộ vì cộng đồng diễn ra trong 30 ngày liên tục, những vận động viên tham gia sẽ sử dụng ứng dụng Strava trên điện thoại thông minh để ghi lại thành tích chạy bộ của mình. Thành tích của các vận động viên sẽ được đồng bộ từ Strava qua nền tảng UpRace.vn sau khi được hệ thống tự động phân tích các kết quả hợp lệ, từ đó mỗi km mà người tham gia chạy được, VNG sẽ quy đổi thành 1.000đ quyên góp vào quỹ Newborns Vietnam.

Giải chạy khép lại với 1.320.466 km hoàn thành và hơn 3,3 tỉ VNĐ được đóng góp vào quỹ Newborns.

UpRace 2018 was meant to be a community run event taking place in 30 days non-stop within which runners use Strava, a smartphone app, to record their running distance for the entire month. Runners’ achievements are then smoothly transferred from Strava to UpRace.vn through a validation and conversion process which takes every kilometer gained as VNĐ 1000 donation from VNG to Newborns Vietnam.

The run event completes successfully with the total distance of 1.320.466 km (820.500 miles) and VNĐ 3.3 billion (USD 141.471) raised to reduce neonatal mortality rate and strengthening newborns care in Viet Nam via Newborns Vietnam.



**Đánh giá của Hội đồng quản
trị về hoạt động của Công Ty**
*Assessments of the Board of
Management on the
Company's operation*



1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Assessments of the Board of Management on the Company's operation

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế vĩ mô, Hội đồng quản trị (“HDQT”) đã giám sát và phối hợp chặt chẽ cùng Ban Giám Đốc trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh ngay từ đầu năm và kiên định mục tiêu giữ vững tốc độ tăng trưởng cho Công Ty. Kết thúc năm tài chính 2018, tổng doanh thu của VNG đạt 4.317 tỷ đồng.

In the economic crisis context, the Board of Management (“BOM”) have supervised and combined closely together with Board of Directors in business activities from the beginning of the year and steadfast developing speed. At the end of financial year 2018, VNG's total revenue is 4,317 billion Dongs.

Với những hoạt động vì cộng đồng xã hội, VNG đã đạt được mục tiêu đề ra là góp phần phát triển hoạt động giáo dục thông qua internet, góp phần xây dựng đất nước phát triển bền vững và tạo ra những sân chơi cho người trẻ Việt Nam tự do sáng tạo, kết nối với cộng đồng.

Through social community activities, VNG has achieved targets in contribution to develop education by Internet, to contribute a sustainable development of our country and create environment for Vietnamese youth to freely create, connect to society.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công Ty **Assessments of the Board of Management of the Company's operation**

2 **Đánh giá của Hội Đồng Quản Trị về hoạt động của Ban Giám Đốc**

Assessment of Board of Management on Board of Directors performance

Ban giám đốc đã điều hành và giám sát mục tiêu, kế hoạch cho năm để tận dụng tối đa các nguồn lực sẵn có để không chỉ hoàn thành mà còn vượt mục tiêu đã đề ra.

The Board of Directors has monitored and follow the objectives and plans for the year, to maximize the available resources and led the staff not only to complete but also over the proposed objectives.

3 **Các kế hoạch, định hướng của Hội Đồng Quản Trị**

Plans, orientations of the Board of Management

Nằm trong lộ trình triển khai chiến lược đa dạng hoá lĩnh vực hoạt động và sản phẩm nhằm sử dụng toàn bộ nguồn lực và lợi thế của một công ty internet hàng đầu tại Việt Nam, với mục tiêu tập trung quản lý để huy động sức mạnh hợp lực tối đa dựa trên nền tảng công nghệ, Công Ty đã thúc đẩy và tạo những bứt phá trong tăng trưởng sản phẩm và cung cấp ngày càng nhiều sản phẩm chất lượng cao cho xã hội.

Stay in the strategic roadmap for diversificating field work and products with the purpose of using the human resources and the advantages of a leading Internet company in Viet Nam, target to concentrate on managing to mobilize the maximum synergy based on technology, Corporation has promoted spectacularly in strengthening products and providing more and more good – quality products.



Báo cáo tài chính

Financial Statement



Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 của Công Ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam và được công bố tại website của VNG ngày 9/4/2019.

<https://www.vng.com.vn/news/shareholders/cbtt-bao-cao-tai-chinh-kiem-toan-nam-2018.html>

The Company's 2018 Consolidated financial statements were audited by Ernst & Young Vietnam Ltd., and published on VNG's website on April 9, 2019.

Ý kiến kiểm toán/ Auditor's opinions



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1073-2018-004-1



Từ Thái Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2019

Ho Chi Minh City, date: 18 April 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC

CHIEF EXECUTIVE OFFICER



LÊ HỒNG MINH

